

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 08-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Danh Que Xa N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Danh Que Xa N: Chị Nguyễn Minh T; địa chỉ ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022 (có mặt).

- ***Bị đơn:***

1. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1976 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 28 tháng 02 năm 2022 của nguyên đơn chị Danh Que Xa N và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 25/5/2020, chị N có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi thủy sản cho ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K bao gồm các loại thức ăn và thuốc thủy sản. Theo hợp đồng thì chị N sẽ giao hàng cho ông Đ và bà K nuôi tôm sau khi thu hoạch tôm thì ông Đ và bà K sẽ trả đủ tiền cho chị N. Chị N đã thực hiện đúng hợp đồng, giao thức ăn tôm cho ông Đ và bà K theo đúng đơn hàng của ông Đ và bà K yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông Đ và bà K đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mình và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên chị N.

Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm, ông Đ và bà K đã không trả đủ tiền cho chị N theo hợp đồng. Tại bản đối chiếu công nợ ngày 03/7/2021 thì ông Đ và bà K còn nợ chị N số tiền là 440.647.000 đồng.

Chị N nhiều lần yêu cầu ông Đ và bà K trả nợ, nhưng từ đó đến nay ông Đ và bà K chỉ hứa rồi không thực hiện việc trả nợ cho chị N.

Nay chị N yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K phải liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho chị N số tiền nợ gốc là 440.647.000 đồng và phải trả thêm tiền lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/ năm, tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và phải tiếp tục trả lãi chậm thanh toán cho đến khi ông Đ và bà K trả dứt nợ.

Việc ông Đ cho rằng đây là nợ riêng của ông Đ là không đúng, vì khi ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản, bà K có mặt và đồng ý ký tên, khi thanh toán nợ lần đầu bà K cũng đồng ý trả tiền và có ký tên trong sổ mua bán hàng. Do đó, xác định đây là nợ chung của ông Đ và bà K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 4 năm 2022 và ngày 05 tháng 5 năm 2022 bị đơn ông Dương Văn Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị K là vợ của ông Đ. Vào tháng 5 năm 2020, ông Đ có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của chị Danh Que Xa N như nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tính đến nay, ông Đ còn nợ chị N số tiền 440.647.000 đồng, ông Đ xác định đây là nợ riêng của ông Đ, do khi ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của chị N thì ông Đ và bà Nguyễn Thị K đã ly thân, ông Đ và bà K sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay, không còn sống chung và bà K cũng không thống nhất việc ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản. Nay ông Đ đồng ý trả số tiền 440.647.000 đồng theo yêu cầu của chị N. Nhưng hiện nay kinh tế khó khăn, ông Đ làm ăn thua lỗ không có khả năng trả một lần, ông Đ xin chị N cho ông Đ trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, ông Đ đề nghị chị N không tiếp tục tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Ông Đ có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do ông Đ đi làm, nên trường hợp Tòa án có triệu tập ông Đ thì theo địa chỉ nêu trên và thông báo qua điện thoại để ông Đ biết. Trong hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản và trong sổ giao nhận hàng lần đầu của chị N có ký tên K và ghi họ và tên Nguyễn Thị K, ông Đ không biết chữ ký và chữ viết đó phải của bà K hay không. Vì khi hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản chị N không đồng ý bán nếu không có sự đồng ý của bà K, khi đó ông Đ có nói bà K có mặt để chị N bán cho ông Đ, còn bà K có ký tên hợp đồng và có ký trả tiền trong sổ giao nhận hàng hay không thì ông Đ không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 4 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Ông Dương Văn Đ là chồng của bà K. Bà K xác định việc ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của chị N thì bà K không biết và không đồng ý, đó là nợ riêng của ông Đ, do khi ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của chị N thì ông Đ và bà K đã ly thân, không còn sống chung và bà K cũng không thống nhất việc ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản nên bà K không biết việc ông Đ có nợ tiền thức ăn chăn nuôi thủy sản của chị N. Tại biên bản về việc đương sự không đồng ý cung cấp lời khai cho Tòa án do Tòa án lập tại nhà bà Nguyễn Thị K vào ngày 26 tháng 7 năm 2022, thì bà K cho rằng không có ký tên, ghi họ tên vào hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản lập ngày 25/5/2020 và cũng không có ký, ghi họ tên vào quyển sổ (tập) có bìa ghi “Anh Đ (A. Đ) <T>” vào ngày 30/5/2020 trả số tiền 20.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị đơn Dương Văn Đ và Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ mua thức ăn, thuốc thủy sản cho nguyên đơn chị Danh Que Xa N trong thời hạn hợp đồng từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/5/2021 với số tiền 256.167.000 đồng. Buộc bị đơn Dương Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Danh Que Xa N tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản (sau ngày 25/5/2021) với số tiền 184.480.000 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Danh Que Xa N nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K cùng cư trú tại ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà K phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ. Chị N đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho chị N nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị N đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn chị Danh Que Xa N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị K và nguyên đơn chị Danh Que Xa N.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền còn nợ 440.647.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực đến khi trả hết nợ cho chị N. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng số tiền 440.647.000 đồng là nợ riêng của ông Đ, do khi ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của chị N thì ông Đ và bà Nguyễn Thị K đã ly thân từ tháng 6/2018 đến nay, không còn sống chung và bà K cũng không thống nhất việc ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản. Nay ông Đ đồng ý trả số tiền 440.647.000 đồng theo yêu cầu của chị N. Bà Nguyễn Thị K cho rằng việc ông Đ hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của chị N thì bà K không biết và không đồng ý, đó là nợ riêng của ông Đ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Văn Đ đã thừa nhận còn nợ chị N số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền còn nợ 440.647.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự*

kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận tính đến ngày 03/7/2021 ông Dương Văn Đ còn nợ chị Danh Que Xa N số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản 440.647.000 đồng đồng là sự thật.

[5] Xét lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị K cho rằng khi ông Đ ký hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với chị N thì bà K không đồng ý, bà K và ông Đ đã không còn sống chung với nhau và cũng không có ký tên, ghi họ tên vào hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản lập ngày 25/5/2020 và cũng không có ký, ghi họ tên vào quyển sổ (tập) giao nhận có bìa ghi “Anh Đ (A. Đ) <T>” vào ngày 30/5/2020 trả số tiền 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Tại Kết luận giám định số: 5288/KL-KTHS ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị K, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị K” dưới mục “Bên mua” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ ký đứng tên Nguyễn Thị K, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị K” dưới mục “Ký tên Ghi rõ họ tên” trên tài liệu cần giám định lý hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị K (Nguyễn Thị K) trên 05 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra. Sau khi nhận được Kết luận giám định số: 5288/KL-KTHS ngày 18 tháng 11 năm 2022 nêu trên, Tòa án đã thông báo cho bị đơn K biết nội dung kết luận giám định, bị đơn K không nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn K cũng không có ý kiến gì và không yêu cầu giám định lại đối với Kết luận giám định nêu trên.

[5.2] Tại biên bản hòa giải trong vụ án hôn nhân và gia đình do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung lập ngày 27 tháng 4 năm 2022, thì ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K đều thừa nhận ông Đ và bà K sống ly thân từ tháng 8 năm 2020.

[5.3] Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định vào thời điểm ký kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với chị Danh Que Xa N, thì ông Đ, bà K còn sống chung với nhau; chữ ký “K”, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị K” dưới mục “Bên mua” trên hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản lập ngày 25/5/2020 là do bà Nguyễn Thị K ký và viết họ tên; chữ viết đứng tên “Nguyễn Thị K” và chữ ký “K” dưới mục “Ký tên Ghi rõ họ tên” trên quyển sổ (tập) giao nhận có bìa ghi “Anh Đ (A. Đ) <T>” vào ngày 30/5/2020 trả số tiền 20.000.000 đồng là chữ viết, chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị K.

[5.4] Từ những phân tích tại các đoạn [5.1], [5.2], [5.3] Hội đồng xét xử khẳng định tại thời điểm ký kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản lập ngày 25/5/2020 giữa chị Danh Que Xa N là bên bán với các bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K là bên mua là có thật.

[6] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định thời hạn ghi trong hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản lập ngày 25/5/2020 là 01 năm và đến ngày 25/5/2021 là hết hạn hợp đồng. Việc hết hạn hợp đồng nhưng

nguyên đơn vẫn bán thức ăn, thuốc thủy sản cho bên bị đơn là do nguyên đơn không để ý hết hạn hợp đồng, nguyên đơn vẫn cung cấp thức ăn, giao dịch với bị đơn ông Đ bình thường; việc giao nhận thức ăn và thuốc thủy sản do ông Đ là người trực tiếp giao nhận, bà K không có trực tiếp giao nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Đ và bà K liên đới trả toàn bộ số tiền còn nợ 440.647.000 đồng.

[7] Theo Điều 6 của hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản lập ngày 25/5/2020 quy định về “Chấm dứt hợp đồng”, thì “Hợp đồng đương nhiên được chấm dứt trong các trường hợp sau: 6.1. Hết hạn hợp đồng mà hai bên không tiến hành ký phụ lục hợp đồng”.

[8] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*” và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”.

[9] Từ những phân tích tại các đoạn [5.1], [5.2], [5.3], [5.4], [7], [8], Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn Dương Văn Đ và Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ mua thức ăn, thuốc thủy sản của nguyên đơn trong thời hạn hợp đồng từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/5/2021 với số tiền 256.167.000 đồng. Khi hết hạn hợp đồng, các bên không có ký lại hợp đồng mới hay phụ lục hợp đồng theo quy định và khi hết hạn hợp đồng nguyên đơn bán thức ăn, thuốc thủy sản cho ông Dương Văn Đ nhưng không có sự đồng ý của bà Nguyễn Thị K (ông Đ và bà K đang sống ly thân), người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ông Đ nuôi tôm để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu cho gia đình nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xác định số tiền ông Đ nợ chị N sau ngày hết hạn hợp đồng (sau ngày 25/5/2021) là số nợ riêng của ông Đ nên Hội đồng xét xử buộc ông Dương Văn Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ còn lại 184.480.000 đồng cho chị N là đúng quy định của pháp luật.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

[10.1] Buộc các bị đơn Dương Văn Đ và Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ mua thức ăn, thuốc thủy sản cho nguyên đơn chị Danh Que Xa N trong thời hạn hợp đồng từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/5/2021 với số tiền 256.167.000 đồng.

[10.2] Buộc bị đơn Dương Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Danh Que Xa N tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản (sau ngày 25/5/2021) với số tiền 184.480.000 đồng.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về chi phí tố tụng: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 2.920.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho chị Danh Que Xa N đã nộp tiền tạm ứng trước.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K phải chịu 12.808.350 đồng (mười hai triệu tám trăm linh tám nghìn ba trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ông Dương Văn Đ nộp 6.404.175 đồng, bà Nguyễn Thị K nộp 6.404.175 đồng). Ông Dương Văn Đ phải chịu thêm số tiền 9.224.000 đồng (chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[14] Nguyên đơn chị Danh Que Xa N được chấp nhận toàn bộ số tiền yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 430; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Danh Que Xa N đối với các bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K.

2. Xử buộc các bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn chị Danh Que Xa N tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản theo thời hạn hợp đồng (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/5/2021) còn nợ với số tiền 256.167.000 đồng (hai trăm năm mươi sáu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Buộc bị đơn ông Dương Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Danh Que Xa N tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản (sau ngày 25/5/2021) với số tiền 184.480.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn chị Danh Que Xa N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng

tháng các bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K phải chịu 12.808.350 đồng (mười hai triệu tám trăm linh tám nghìn ba trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ông Dương Văn Đ nộp 6.404.175 đồng, bà Nguyễn Thị K nộp 6.404.175 đồng). Ông Dương Văn Đ phải chịu thêm số tiền 9.224.000 đồng (chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn chị Danh Que Xa N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Danh Que Xa N số tiền tạm tạm ứng án phí sơ thẩm 10.812.000 đồng (mười triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0001803 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị K phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết với số tiền 2.920.000 đồng (hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho chị Danh Que Xa N đã nộp tiền tạm ứng trước.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn